TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân, bà Hà Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 535/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Số 75 C, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 134 C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn M**, sinh năm 1982.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Số 75 C, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 75 C, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Phạm Thị V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 70 V, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt anh M, bà N, bà V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thu H trình bày: Chị với anh Lê Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng

ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 10/10/2006. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh M thay đổi tính cách, thường tự ý quyết định các vấn đề của gia đình mà không trao đổi, bàn bạc gì với chị. Chị nhiều lần góp ý nhưng anh M không sửa đổi mà còn to tiếng mắng chửi, thậm chí có lần còn đánh chị. Số lần vợ chồng cãi chửi nhau, va chạm với nhau ngày càng nhiều và ngày càng trầm trọng làm tình cảm rạn nứt. Nhiều năm nay vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Vì không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vậy được nữa nên chị đã thuê nhà ở riêng từ khoảng tháng 6/2022. Từ đó đến nay anh M không tìm gọi và chị cũng không tự quay về đoàn tụ với anh M thời gian nào. Xác định cuộc sống chung không hạnh phúc và hiện chị không còn tình cảm với anh M nên chị khởi kiện xin ly hôn anh M.

Chị và anh M có 03 con chung là Lê Đức M- sinh ngày 24/8/2007, Lê Thị Minh H- sinh ngày 03/01/2012 và Lê Đức D- sinh ngày 24/4/2014. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, cháu D. Chị không phải đóng góp tiền nuôi cháu A; anh M không phải đóng góp tiền nuôi cháu G. Chị sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi cháu D cùng anh M là 1.000.000đ/tháng.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Lê Văn M nhưng anh M đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án.

Bà Phạm Thị V *(dì ruột của chị H)* phản ánh: Số lần anh M, chị H xảy ra mâu thuẫn ngày càng nhiều, ngày càng trầm trọng. Bà nhiều lần góp ý, hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể chung sống hòa hợp được. Hiện bà không có biện pháp nào khác giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm và nhận thấy vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau. Vì vậy bà đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị H được ly hôn để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

Bà Phạm Thị Hiền *(mẹ đẻ của anh M)* phản ánh: Do tính cách khác nhau nên cuộc sống chung của anh M, chị H không hòa thuận. Bà đã nói chuyện góp ý với chị H nhưng chị H vẫn cố tình bỏ đi ở chỗ khác, không về đoàn tụ cùng anh M. Nay chị H xin ly hôn là việc riêng của vợ chồng và do vợ chồng tự quyết định.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị H được ly hôn anh M. Giao cháu Lê Thị Minh G- sinh ngày 03/01/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Đức A- sinh ngày 24/8/2007 và Lê Đức D- sinh ngày 24/4/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu G cùng nhau. Chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu D cùng anh M là 1.000.000đ/tháng cho tới khi cháu D tròn 18 tuổi. Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 10/10/2006. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị H và phản ánh của đại diện hai bên gia đình đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian nhưng không có biện pháp đoàn tụ. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xác hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy việc chị H, anh M không sống chung với nhau và không có sự quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau là vi phạm tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác việc anh M vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí đoàn tụ với chị H. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xử cho chị H được ly hôn anh M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh M có ba con chung là Lê Đức A- sinh ngày 24/8/2007, Lê Thị Minh G- sinh ngày 03/01/2012 và Lê Đức D- sinh ngày 24/4/2014. Tuy không xác định được mức thu nhập của anh M là bao nhiêu nhưng anh M được gia đình hỗ trợ về chỗ ở và điều kiện chăm sóc con cái. Chị H phải đi thuê phòng trọ, mức thu nhập thấp *(trung bình 5.000.000đ/tháng)*. Mặt

khác, cháu A và cháu D đều có nguyện vọng được ở cùng bố; cháu G có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A và cháu D cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu G cùng nhau. Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu D cùng anh M là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2023 cho tới khi cháu D thành niên; cấp dưỡng theo tháng.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị Minh G- sinh ngày 03/01/2012 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai con chung là Lê Đức A- sinh ngày 24/8/2007 và Lê Đức D- sinh ngày 24/4/2014 cho anh Lê Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung thành niên.

Chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu G cùng nhau. Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu D cùng anh M là 1.000.000đ/tháng *(một triệu đồng một tháng)* kể từ tháng 01/2023 cho tới khi cháu D thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0001250 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường Quang Trung, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

Quách Thị Phương Thúy